

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2023

V/v: Chị Tô Thị T xin ly hôn

anh Phạm Văn C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tô Thị T**, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn N, xã TT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt có lý do)

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn C**, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã TT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị T trình bày:***

Chị và anh Phạm Văn C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08 tháng 01 năm 1998 tại UBND phường Phú Khánh, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình). Sau kết hôn, giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm đến gia đình, anh C còn chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, dính dáng đến xã hội đen, gây nhiều phiền nhiễu, ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và các con. Chị đã góp ý, khuyên bảo anh C và cố gắng níu giữ cuộc hôn nhân này vì các con nhưng anh C không hề thay đổi. Từ năm 2017 đến nay, anh C đi làm ăn xa, nay đây mai đó, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, anh chị đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, chị xin được ly hôn anh C.

Chị và anh Phạm Văn C có hai con chung là Phạm Thành C, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1998 và Phạm Đức Th, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006. Ly hôn: Đối với con C đã trưởng thành, có sức khỏe tốt, có vợ, có con, tự lập được cuộc sống, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con Th, đang ở cùng chị, chị đề nghị được nuôi con Th và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con Th cùng chị. Hiện chị làm công nhân thời vụ tại Công ty tư nhân Thiên Ân ở huyện V, mức lương bình quân khoảng 05 triệu đồng/01 tháng.

Chị và anh Phạm Văn C không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Trước và sau khi nộp đơn ly hôn, chị đã nói chuyện với anh C, anh C đồng ý ly hôn nhưng nói sẽ không đến Tòa án, do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo trình tự vắng mặt anh C. Về phía chị, do điều kiện công việc bận, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**** Đối với bị đơn anh Phạm Văn C:***

Tòa án đã giao trực tiếp và gửi hợp lệ qua đường bưu điện các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn C, đại diện gia đình anh C là chị Phạm Thị Hồng L (chị gái ruột anh C) đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho anh C nhưng anh C

không đến Tòa án, không có lời khai tại Tòa án và không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án yêu cầu.

**** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đẻ ngày 07 tháng 02 năm 2023, cháu Phạm Đức Th trình bày:***

Bố đẻ cháu là Phạm Văn C. Mẹ đẻ cháu là Tô Thị T. Hiện cháu đang ở cùng mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 17 tháng 02 năm 2023, chị Phạm Thị Hồng L (chị gái ruột anh Phạm Văn C) trình bày:***

Chị T, anh C kết hôn với nhau vào năm 1998. Về mâu thuẫn giữa anh chị, theo chị biết là có do anh C không tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Về phía gia đình đã góp ý, khuyên bảo anh C nhiều nhưng không có kết quả. Từ năm 2017 đến nay, anh C sống nay đây mai đó, thỉnh thoảng mới về qua nhà hoặc liên lạc về gia đình qua điện thoại, lần anh C về nhà gần nhất là cuối tháng 11 năm 2022. Toàn bộ các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh C, chị đều đã nhận và đều đã thông báo lại cho anh C, anh C nói đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án. Nay chị T xin ly hôn anh C, về phía gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 17 tháng 02 năm 2023, đại diện thôn N, đại diện UBND xã TT và đại diện Công an xã TT, huyện V, tỉnh Thái Bình cung cấp:***

Chị T, anh C hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình sinh sống tại địa phương, anh chị không xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau đến mức địa phương phải can thiệp. Tuy nhiên, theo phản ánh từ phía gia đình anh C thì anh C có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Hiện anh C không thường xuyên có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có về qua nhà, lần cuối anh C có mặt tại địa phương là khoảng tháng 11 năm 2022. Chị T, anh C có hai con chung là Phạm Thành C, sinh năm 1998, đã có gia đình riêng và con Phạm Đức Th, sinh năm 2006. Nay chị T xin ly hôn anh C, về hôn nhân và về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Hiện chị T, anh C không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến các tổ chức tín dụng và đoàn thể tại địa phương.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị T được ly hôn anh C. Đối với con Phạm Thành C, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1998, đã thành niên, tự lập được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết. Đối với con Phạm Đức Th, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006, giao cho chị T nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng cho con Th cùng chị T. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Tô Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn C, anh C có nơi cư trú tại xã TT, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn C thông qua chị Phạm Thị Hồng L (chị gái ruột anh C). Chị L đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo lại cho anh

C nhưng anh C không đến Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án đã yêu cầu. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt anh C.

[1.3] Ngày 20 tháng 3 năm 2023, chị Tô Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị T, anh C.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Tô Thị T và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND phường Phú Khánh, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 05, ngày 08 tháng 01 năm 1998, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, về nguyên nhân, theo chị T là do anh C không tu chí làm ăn, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh C. Xét thấy, lời khai của chị T về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập, xác minh đối với đại diện gia đình anh C và tại chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống, như vậy, mâu thuẫn giữa chị T, anh C là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị T, xử cho ly hôn giữa chị T và anh C.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Tô Thị T và anh Phạm Văn C có hai con chung là Phạm Thành C, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1998 và Phạm Đức Th, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006. Xét thấy: Con C đã thành niên, tự lập được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết. Con Th đang ở cùng chị T và có nguyện vọng ở cùng mẹ, chị T có việc làm, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, việc học tập và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con, HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao con Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp

dưỡng cho con Th, xét việc chị T không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là tự nguyện, HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Tô Thị T trình bày chị và anh Phạm Văn C không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Phạm Văn C không có lời khai về tài sản tại Tòa án. Do vậy, về chia tài sản chung của chị T, anh C không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Tô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Tô Thị T, anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tô Thị T và anh Phạm Văn C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Đối với con Phạm Thành C, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1998, hiện đã thành niên, tự lập được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết.

2.2. Đối với con Phạm Đức Th, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2006: Giao cho chị Tô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Đức Th. Anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng cho con Phạm Đức Th. Anh Phạm Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Tô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001335 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Tô Thị T, anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (CNKH số 01, quyển số 05, ngày 08/01/1998);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

